Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8471.41.90

Mã HS	8471.41.90
Mô tả hàng hóa	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Máy xử lý dữ liệu tự động khác: / - - Chứa trong cùng một vỏ có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:15:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84714190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14322
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14322
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14322
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13664
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13605
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13605
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13605
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13605
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13605
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13605
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13659
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13659
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13659
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13659

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13659
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13659
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13660
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13660
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13660
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13660
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13660
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13660
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13663
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13611
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13619
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13619
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13619
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13619
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13619
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13619
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13650
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13650
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13650
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13650
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13650
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13650
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13699
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13699
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13699
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13699

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13699
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13699
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13682
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13682
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13682
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13682
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13682
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13682
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13682
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13682
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13682
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13682
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13682
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13682
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13697
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13697
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13697
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13697
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13697
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13697
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13696
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13696
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13696
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13696
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13696
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13696

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13676
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13676
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13676
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13676
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13676
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13676
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13676
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13684
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13684
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13684
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13684
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13684
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13684
RCEP B	2022	2022	0	B!D13684
RCEP B	2023	2023	0	B!E13684
RCEP B	2024	2024	0	B!F13684
RCEP B	2025	2025	0	B!G13684
RCEP B	2026	2026	0	B!H13684
RCEP B	2027	2027	0	B!I13684
RCEP C	2022	2022	0	C!D13684
RCEP C	2023	2023	0	C!E13684
RCEP C	2024	2024	0	C!F13684
RCEP C	2025	2025	0	C!G13684
RCEP C	2026	2026	0	C!H13684
RCEP C	2027	2027	0	C!I13684
RCEP D	2022	2022	0	D!D13683

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13683
RCEP D	2024	2024	0	D!F13683
RCEP D	2025	2025	0	D!G13683
RCEP D	2026	2026	0	D!H13683
RCEP D	2027	2027	0	D!I13683
RCEP E	2022	2022	0	E!D13687
RCEP E	2023	2023	0	E!E13687
RCEP E	2024	2024	0	E!F13687
RCEP E	2025	2025	0	E!G13687
RCEP E	2026	2026	0	E!H13687
RCEP E	2027	2027	0	E!I13687
RCEP F	2022	2022	0	F!D13684
RCEP F	2023	2023	0	F!E13684
RCEP F	2024	2024	0	F!F13684
RCEP F	2025	2025	0	F!G13684
RCEP F	2026	2026	0	F!H13684
RCEP F	2027	2027	0	F!I13684
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12701
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12701
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12701
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12701

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)		211/2025/NĐ-CP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)		1725/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SP an toàn thông tin mạng NK theo GP (10.2022.TT.BTTT)			Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8471.41 có 2 dòng thuế; dòng 8471.41.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8471.41.10 Máy tính cá nhân trừ máy tính loại xách tay của phân nhóm 8471.30	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8471.41.90 có mã Chương 98 tương ứng 9818.25.00 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- Máy xử lý dữ liệu tự động khác, trừ máy tính cá nhân, máy tính xách tay	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8471.41.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8471.41.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14322), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)
KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)
SP an toàn thông tin mạng NK theo GP (10.2022.TT.BTTT)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.